

Số: 105/2009/QĐ-UBND

Đà Lạt, ngày 24 tháng 12 năm 2009

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v ban hành Chương trình dạy tiếng Mạ (có chữ viết)  
cho cán bộ, công chức công tác vùng dân tộc Mạ của tỉnh Lâm Đồng.**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 161/2003/QĐ-TTg ngày 04/8/2003 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức;

Căn cứ Chỉ thị số 38/2004/CT-TTg ngày 09/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số đối với cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi;

Căn cứ Quyết định số 03/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 24/01/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình khung dạy tiếng dân tộc thiểu số (có chữ viết) cho cán bộ, công chức công tác vùng dân tộc thiểu số;

Xét đề nghị của Sở Nội vụ tỉnh Lâm Đồng tại Tờ trình số 736/TT-SNV ngày 01/12/2009 về việc ban hành chương trình dạy tiếng Mạ (có chữ viết),

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình dạy tiếng Mạ (có chữ viết) cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc Mạ của tỉnh Lâm Đồng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Bảo Lộc, thành phố Đà Lạt chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH  
(Đã ký)**

**Huỳnh Đức Hòa**

**CHƯƠNG TRÌNH**

**Dạy tiếng Mạ (có chữ viết) cho cán bộ, công chức công tác vùng dân tộc Mạ.**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 105/2009/QĐ-UBND  
ngày 24/12/2009 của UBND tỉnh Lâm Đồng)

**Chương I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** Mục tiêu của chương trình.

Học xong chương trình tiếng Mạ, cán bộ, công chức công tác vùng dân tộc Mạ (sau đây gọi tắt là học viên) sẽ đạt được:

1. Một số kiến thức ban đầu về tiếng Mạ: Hệ thống chữ viết, bộ vần, một số quy tắc chính tả và ngữ pháp tiếng Mạ. Các kỹ năng nghe hiểu, đọc hiểu, nói đúng để có thể giao tiếp thông thường bằng tiếng Mạ.

2. Một số hiểu biết cần thiết và thái độ tôn trọng về con người, văn hóa truyền thống, phong tục tập quán của đồng bào dân tộc Mạ.

**Điều 2.** Quan điểm xây dựng chương trình.

1. Phù hợp với đối tượng:

Đối tượng học viên là những cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, có nhu cầu hoặc được cử đi học tiếng như một ngôn ngữ thứ hai. Nội dung chương trình được biên soạn theo tinh thần tinh giản, thiết thực, có tính thực hành cao; tạo điều kiện cho việc tổ chức dạy học một cách nghiêm túc nhưng linh hoạt, gọn nhẹ,... giúp học viên đạt được mục tiêu mà chương trình đã đề ra.

2. Giao tiếp:

Để hình thành và phát triển các kỹ năng sử dụng tiếng Mạ theo mục tiêu và yêu cầu đặt ra, chương trình dạy tiếng Mạ cho học viên được xây dựng theo quan điểm định hướng giao tiếp, tập trung vào việc hình thành và rèn luyện các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết; đặc biệt chú trọng hai kỹ năng nghe, nói; ưu tiên thực hành, chú ý kết hợp chặt chẽ việc học trên lớp với thực hành giao tiếp trong công tác và đời sống hàng ngày.

3. Tích hợp:

a) Kết hợp chặt chẽ giữa luyện nghe, nói với luyện đọc, viết; giữa trang bị kiến thức đơn giản với rèn luyện kỹ năng.

Chương trình đặt lên hàng đầu mục tiêu rèn luyện kỹ năng, để tăng hiệu quả và tiết kiệm thời gian học, chương trình lấy các bài đọc làm cơ sở để rèn luyện các kỹ năng đọc, viết, nghe và nói. Bài đọc cũng là cơ sở để hình thành các kiến thức từ ngữ, ngữ pháp đơn giản, làm nền cho việc rèn luyện kỹ năng.

b) Kết hợp chặt chẽ giữa việc dạy ngôn ngữ với trang bị vốn hiểu biết cơ bản về văn hóa, phong tục tập quán của đồng bào dân tộc.

Để việc học ngôn ngữ giúp ích nhiều nhất cho học viên, việc dạy tiếng dân tộc Mạ được dựa trên ngữ liệu phản ánh cuộc sống lao động, sinh hoạt văn hóa, phong tục tập quán, ... của địa phương. Qua các bài đọc cung cấp thêm cho học viên những hiểu biết cơ bản về văn hóa, phong tục tập quán của đồng bào Mạ, những kiến thức phổ biến về khoa học, pháp luật, chính trị, ... để học viên có thể vận dụng và hoàn thành tốt hơn trong công tác được giao.

## **Chương II** **YÊU CẦU CƠ BẢN CỦA CHƯƠNG TRÌNH**

### **Điều 3. Về kỹ năng.**

1. Nghe hiểu ý kiến của đồng bào về những vấn đề đơn giản; nghe hiểu ý chính những mẫu chuyện, tin tức ngắn, các bài phổ biến ngắn, đơn giản về khoa học kỹ thuật, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Trò chuyện được với đồng bào bằng tiếng Mạ về những vấn đề gần gũi, thiết thực; nói lại được ý chính của cuộc trao đổi, của những chuyện đã nghe, đã đọc, những mẫu tin, thông báo, ...

3. Đọc được rõ ràng, tương đối trôi chảy những văn bản ngắn, đơn giản (mẫu tin, văn bản phổ biến khoa học, thông báo, mẫu chuyện dân gian, bài văn, bài thơ ngắn, văn bản chính sách, pháp luật, ...); hiểu ý chính của bài; biết một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao phổ biến của đồng bào dân tộc Mạ.

4. Viết rõ nét các chữ cái, dấu âm trong tiếng và từ tiếng Mạ; viết đúng chính tả đoạn văn ngắn có độ dài từ 80 đến 100 từ; viết được những bức thư ngắn, những mẫu tin, thông báo đơn giản có độ dài từ 60 đến 80 từ, không mắc nhiều lỗi chính tả.

### **Điều 4. Về kiến thức.**

1. Biết hệ thống chữ cái, âm vần, hệ thống dấu âm và cách ghép âm vần của tiếng Mạ.

2. Có khoảng 1.000 từ, ngữ (bao gồm cả thành ngữ) theo các chủ đề học tập; nắm được các từ đơn tiết, từ đa tiết, từ đồng nghĩa và trái nghĩa.

3. Biết một số hiểu biết về câu trần thuật đơn (Ai là ai? Ai làm gì? Ai thế nào?); một số thành phần câu (qua bài tập đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi: Ai? Làm gì? Thế nào? Bao nhiêu? Khi nào? Bao giờ? Ở đâu?,...); nhận biết câu ghép.

4. Có hiểu biết về phong tục, tập quán và văn hóa truyền thống; hiểu và sử dụng được các lời nói phù hợp với các nghi thức giao tiếp, ứng xử của đồng bào Mạ.

### **Điều 5. Về thái độ tình cảm.**

1. Có ý thức tôn trọng tiếng nói, chữ viết, phong tục và văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc Mạ.

2. Có thói quen học tập, sử dụng tiếng nói, chữ viết Mạ trong công tác và trong đời sống sinh hoạt hàng ngày.

### **Chương III**

## **KẾ HOẠCH VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH**

**Điều 6.** Thời lượng dạy học.

Chương trình gồm 600 tiết.

**Điều 7.** Cấu trúc chương trình và phân bố thời lượng cụ thể.

1. Chương trình gồm 60 bài, chia làm 11 cụm bài, mỗi cụm bài ứng với một chủ đề.

2. Mỗi bài (từ 6 - 12 tiết, mỗi tiết 45 phút), được tích tích hợp: Từ ngữ - ngữ pháp, luyện nghe, nói, đọc, viết.

3. Số tiết dành cho luyện nghe, nói chiếm khoảng 60% tổng thời gian của bài học; số tiết luyện đọc, viết, từ ngữ - ngữ pháp chiếm thời lượng khoảng 40% tổng thời gian của bài học.

4. Thời gian đi thực tế, kiểm tra, tổng ôn tập, thi cuối khóa: 150 tiết.

**Điều 8.** Nội dung chương trình.

1. Nội dung dạy chữ cái, dấu âm, tiếng; luyện phát âm, luyện đọc, luyện viết; kết hợp với bài luyện tập cung cấp kiến thức về ngữ pháp tiếng Mạ.

2. Tích hợp dạy kiến thức và kỹ năng theo hệ thống chủ đề:

CHỦ ĐỀ	BÀI	SỐ TIẾT DẠY	TÊN BÀI	KIẾN THỨC	KỸ NĂNG
TIẾNG MẠ	1	6	Chữ Mạ	- Chữ cái, nguyên âm, phụ âm. - Từ ngữ về thời gian, ngày tháng; từ xưng hô, đại từ nhân xưng. - Đếm số, đếm thứ tự.	- Đếm số - Cách hỏi thời gian.
	2	10	Nguyên âm và phụ âm		
	3	10	Thanh điệu và luyện đọc		
	4	8	Chữ số		
	5	8	Thời gian		
CHÀO HỎI, GIỚI THIỆU	6	12	Xin chào	- Cách đặt câu hỏi. - Các từ ngữ về không gian, vị trí sinh hoạt học tập.	- Cách hỏi đồ vật, thời gian, không gian. - Chào hỏi, giới thiệu. - Hoạt động trong lớp học.
	7	12	Giới thiệu công việc		
	8	8	Cơ thể con người		
	9	8	Đồ dùng trong nhà		
	10	6	Màu sắc		
	11	8	Vị trí		
	12	8	Động vật, thực vật		
	13	8	Trong lớp học		
	14	8	Bài học mới		
15	8	Ôn tập			
GIA	16	6	Người Mạ	- Từ ngữ về gia	- Giới thiệu về

CHỦ ĐỀ	BÀI	SỐ TIẾT DẠY	TÊN BÀI	KIẾN THỨC	KỸ NĂNG
ĐÌNH, DÒNG TỘC	17	8	Gia tộc K'Tàng	đình, nhà ở, vườn gần nhà, sinh hoạt trong gia đình. - Từ ngữ về mối quan hệ trong gia đình. - Danh từ riêng, danh từ đơn vị, danh từ chỉ ngôi, danh từ chỉ định.	nhà ở, vườn cây. - Giao tiếp, trò chuyện về gia đình, nhà ở. - Luyện viết chữ
	18	6	K'Tàng chỉ có hai con		
	19	8	Nhà ở, vườn cây		
BUÔN LÀNG	20	8	Câu chuyện xóm làng	- Từ ngữ về xóm làng, công việc, sinh hoạt trong cộng đồng. - Từ ngữ về mối quan hệ trong buôn làng, cộng đồng dân cư. - Động từ.	- Giao tiếp, trò chuyện về sinh hoạt, lao động trong cộng đồng. - Luyện viết câu.
	21	6	Người trưởng thôn		
	22	8	Niềm vui trong lao động		
	23	8	Bảo vệ buôn làng		
	24	8	Ôn tập		
THIÊN NHIÊN, MÔI TRƯỜNG	25	8	Thời tiết	- Từ ngữ về tự nhiên, môi trường; bảo vệ và chăm sóc rừng, môi trường.	- Giới thiệu, giải thích về lợi ích của thiên nhiên môi trường, ngăn ngừa những tác hại đến thiên nhiên, môi trường. - Viết chính tả.
	26	10	Rừng và môi trường		
	27	8	Trồng cây gây rừng		
	28	8	Tuần tra bảo vệ rừng		
	29	8	Bảo vệ rừng, bảo vệ thú rừng		
VĂN HÓA DÂN TỘC	30	10	Hôn lễ của người Mạ	Từ ngữ, nội dung về lễ hội, văn hóa truyền thống của đồng bào Mạ.	Giới thiệu, trình bày về lễ hội, nét văn hóa truyền thống của đồng bào Mạ. - Viết chính tả.
	31	8	Xây dựng thôn văn hóa		
	32	8	Văn hóa truyền thống		
	33	8	Lễ hội Tây Nguyên		
	34	8	Ôn tập		
QUÊ HƯƠNG, CON NGƯỜI	35	8	Tây nguyên xanh tươi, Tây Nguyên anh hùng	- Từ ngữ về lịch sử đất nước, Bác Hồ, về đấu tranh cách mạng của đồng bào Mạ. - Từ ngữ, nội dung về lễ hội, văn hóa truyền thống của đồng bào Mạ. - Tính từ, Phụ từ.	- Giải thích, trình bày về lịch sử đấu tranh của các dân tộc Việt Nam, tình đoàn kết giữa các dân tộc. - Viết đoạn văn ngắn.
	36	8	Các dân tộc anh em ở Tây Nguyên		
	37	8	Tình đoàn kết		
	38	6	Người anh hùng Tây Nguyên		

CHỦ ĐỀ	BÀI	SỐ TIẾT DẠY	TÊN BÀI	KIẾN THỨC	KỸ NĂNG
LAO ĐỘNG SẢN XUẤT	39	6	Tăng gia sản xuất	- Từ ngữ, nội dung về lao động, nghề truyền thống của đồng bào Mạ. - Câu đơn, câu ghép.	- Giới thiệu, giải thích về lao động, nghề truyền thống, phát triển sản xuất. - Viết đoạn văn ngắn.
	40	6	Thu hoạch từ chăn nuôi		
	41	8	Nghề truyền thống		
	42	8	Nghề thủ công của người Mạ		
	43	8	Ôn tập		
GIÁO DỤC	44	6	Làm khai sinh cho bé	- Từ ngữ, nội dung cơ bản về giáo dục, liên quan đến quyền lợi học tập của trẻ em. - Câu đơn, câu ghép.	- Giới thiệu, giải thích về giáo dục, những lợi ích của giáo dục liên quan đến đời sống. - Viết chính tả.
	45	6	Cán bộ tư pháp		
	46	6	Ngày toàn dân đưa trẻ em đến trường		
	47	6	K' Tàng không mê tín dị đoan		
CHĂM SÓC SỨC KHỎE	48	6	Giữ vệ sinh xóm làng	- Từ ngữ, nội dung cơ bản về y tế, liên quan đến quyền lợi chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cộng đồng. - Từ ngữ liên quan về an toàn giao thông.	- Giải thích, hướng dẫn về chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cộng đồng. - Viết chính tả. - Giải thích.
	49	6	Phòng bệnh hơn chữa bệnh		
	50	6	Trạm y tế		
	51	6	Lánh xa ma túy		
	52	6	An toàn giao thông		
TỔ QUỐC	53	6	Nước Việt Nam	- An ninh, trật tự, an toàn trong đời sống của đồng bào Mạ. - Tổng hợp kiến thức toàn chương trình.	- Hướng dẫn về việc bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn trong đời sống của đồng bào Mạ. Viết đoạn văn ngắn.
	54	6	Bác Hồ		
	55	6	Thư của Hồ Chủ tịch		
	56	6	Thôn làng vững mạnh		
	57	6	Truyền thống yêu nước		
	58	6	Tục ngữ		
	59	12	Ôn tập		
	60	4	Tổng kết chương trình		

#### Chương IV

### GIẢI THÍCH, HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

**Điều 9.** Về tính pháp lý của bộ chữ Mạ và vấn đề phương ngữ.

1. Về tính pháp lý của bộ chữ Mạ:

Bộ chữ tiếng Mạ được thực hiện trong chương trình dựa trên cơ sở chữ Kơ Ho được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 20/QĐ-UB ngày 14/01/1983 của UBND tỉnh Lâm Đồng về phương án chữ Kơ Ho và Quyết định

số 17/2006/QĐ-UBND ngày 28/3/2006 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc sửa đổi mục A, phần II phụ lục ban hành.

## 2. Về vấn đề phương ngữ:

Tiếng Mạ ở mỗi vùng về cơ bản là thống nhất, sự khác biệt là không đáng kể. Tài liệu dạy học lấy từ ngữ của người Mạ ở huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng làm chuẩn, do đó có sự khác biệt về phương ngữ đối với một số địa phương. Để khắc phục vấn đề này trong quá trình dạy và học cần có sự so sánh, phân biệt và vận dụng cho phù hợp.

### **Điều 10.** Cấu trúc nội dung của chương trình.

#### 1. Đặc điểm cấu trúc:

Cấu trúc chương trình theo chủ đề là một giải pháp để thực hiện mục tiêu rèn luyện kỹ năng và trang bị kiến thức cho học viên. Thông qua hệ thống chủ đề, tài liệu dạy học giáo viên hướng dẫn giúp học viên mở rộng, hệ thống hóa, tích cực hóa vốn từ, trang bị những kiến thức ngữ pháp đơn giản ban đầu (qua các bài tập thực hành), đồng thời giúp học viên có thêm những hiểu biết về văn hóa, phong tục tập quán của đồng bào dân tộc Mạ.

#### 2. Cấu trúc của bài học:

Chương trình đặt tên cho các bài học là: Tập đọc (bao gồm cả việc học chữ và âm, vần), luyện viết, luyện nghe, luyện nói, với mục đích rèn luyện kỹ năng, trang bị kiến thức, đồng thời phù hợp với đối tượng học viên.

#### 3. Nhiệm vụ của các bài học:

a) Tập đọc, học vần: Cung cấp cho học viên hệ thống ký hiệu chữ viết, hệ thống các âm, vần tiếng Mạ; rèn luyện cho học viên các kỹ năng đọc, nghe, nói và viết; đồng thời cung cấp vốn từ, tăng cường khả năng diễn đạt và trang bị cho học viên những hiểu biết cần thiết về đời sống.

b) Từ ngữ, ngữ pháp: Giúp học viên mở rộng vốn từ, trang bị những kiến thức sơ giản về từ ngữ, ngữ pháp tiếng Mạ và rèn luyện kỹ năng dùng từ, đặt câu (luyện nói, viết thành câu).

c) Luyện nghe, nói: Rèn cho học viên kỹ năng nghe thông qua các hình thức nghe kể chuyện, nghe đọc, nghe câu hỏi và ý kiến trao đổi của giáo viên, của học viên cùng lớp kết hợp rèn luyện kỹ năng nói thông qua các hình thức đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi, nói theo câu hỏi gợi ý, theo đề tài,...

d) Luyện viết: Rèn kỹ năng viết chữ, viết chính tả từ, câu văn, đoạn văn ngắn: tạo lập một vài kiểu văn bản (đoạn văn, mẫu tin, thông báo...) ở mức đơn giản;

đ) Thực tập thực tế: thăm, tìm hiểu văn hoá, trao đổi trực tiếp với người dân tộc Mạ.

#### 4. Phân phối thời lượng cho các bài học:

Phân bổ thời lượng cho các bài học trong kế hoạch dạy học cần sắp xếp một cách hợp lý với nội dung kiến thức – kỹ năng cần học tập.

### **Điều 11.** Tài liệu dạy học.

Chương trình này là căn cứ để tập thể các tác giả biên soạn tài liệu dạy học tiếng Mạ cho học viên và sách giảng dạy cho giảng viên. Ngôn ngữ dùng trong tài liệu bằng cả hai thứ tiếng Mạ và Việt.

### **Điều 12.** Phương pháp dạy học.

Để việc dạy học tiếng Mạ cho đối tượng học viên đạt được mục tiêu rèn luyện các kỹ năng giao tiếp và trang bị kiến thức một cách nhanh chóng, có hiệu quả, cần vận dụng các phương pháp dạy học phát huy tính tích cực, chủ động của học viên, chú ý tới những phương pháp đặc trưng của môn học như:

1. Phương pháp thực hành giao tiếp: hướng dẫn học viên vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học vào việc thực hiện các nhiệm vụ giao tiếp cụ thể bằng tiếng Mạ, nhằm khắc sâu tri thức và rèn kỹ năng. Đây là phương pháp chủ yếu để phát triển lời nói cho từng cá nhân học viên.

2. Phương pháp phân tích ngôn ngữ: hướng dẫn học viên quan sát, phân tích các hiện tượng ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, chính tả,... để tìm ra những nét đặc trưng của những hiện tượng ấy, nhằm sử dụng đúng trong giao tiếp.

3. Phương pháp rèn luyện theo mẫu: giáo viên chọn và giới thiệu các mẫu hoạt động lời nói, giúp học viên hiểu và nắm được cơ chế của chúng, sau đó dựa theo mẫu để tạo ra lời nói của mình.

4. Phương pháp so sánh, đối chiếu: So sánh, đối chiếu các kiến thức đã có với các kiến thức đang học, đối chiếu ngôn ngữ dân tộc với ngôn ngữ phổ thông để tìm ra sự giống nhau và khác nhau giữa hai hệ thống ngôn ngữ.

### **Điều 13.** Hình thức tổ chức dạy học.

1. Để giờ học sinh động, có hiệu quả, hoạt động của học viên cũng cần luôn thay đổi với nhiều hình thức tổ chức học tập: làm việc độc lập, làm việc theo nhóm,... Học viên làm việc độc lập trong trường hợp câu hỏi, bài tập đặt ra những yêu cầu cụ thể, tương đối, dễ thực hiện. Trong trường hợp câu hỏi, bài tập tương đối khó hoặc đòi hỏi một sự khái quát nhất định thì tổ chức làm việc theo nhóm.

2. Hình thức làm việc chung được áp dụng chủ yếu trong trường hợp giáo viên và học viên trao đổi, đối thoại làm mẫu, trả lời những câu hỏi không yêu cầu phải suy nghĩ lâu, học viên trình bày kết quả thực hành của cá nhân, của nhóm trước lớp.

3. Các hình thức tổ chức dạy học cần kích thích học viên kết hợp việc học trên lớp với thực hành giao tiếp trong cộng đồng dân tộc Mạ nơi mình đang công tác.

### **Điều 14.** Đánh giá kết quả học tập.

1. Nội dung đánh giá:

Đánh giá kết quả học tập có tác dụng động viên, kích thích học viên học tập, đồng thời giúp kiểm soát, quản lý chất lượng học tập. Đánh giá được thực hiện theo hai phương thức: đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ. Việc đánh giá cần bảo đảm các nguyên tắc toàn diện và khách quan. Những kỹ năng



nghe và nói cần được kiểm tra, đánh giá nhiều hơn, thường xuyên hơn so với kỹ năng đọc và viết. Cách kiểm tra, đánh giá cần đa dạng hóa và phù hợp với từng kỹ năng:

a) Các kỹ năng đọc thành tiếng, viết chữ được đánh giá qua hoạt động thực hành của học viên;

b) Các kỹ năng nghe và nói được đánh giá bằng hình thức vấn đáp và kiểm tra miệng trên lớp;

c) Các kỹ năng đọc hiểu, dùng từ, dùng câu, những kiến thức sơ giản về quy tắc chính tả, từ vựng, ngữ pháp được đánh giá bằng những câu hỏi trắc nghiệm khách quan và những câu hỏi mở;

d) Các kỹ năng viết đoạn, bài văn ngắn, đơn giản được đánh giá bằng bài kiểm tra viết (tự luận).

2. Các phương thức đánh giá:

a) Kiểm tra thường xuyên (trong mỗi giờ lên lớp);

b) Kiểm tra theo cụm bài, cuối mỗi cụm bài;

c) Kiểm tra cuối khóa.

**Điều 15. Cấp chứng chỉ.**

Việc cấp chứng chỉ cho học viên phụ thuộc vào kết quả học tập cả đợt và kỳ thi cuối khóa. Cơ quan cấp chứng chỉ là Trung tâm Đào tạo bồi dưỡng tại chức Lâm Đồng.

**Điều 16. Loại hình đào tạo.**

1. Học tập trung tại các lớp học (trong giờ hành chính hoặc ngoài giờ hành chính) theo thời gian quy định trong chương trình.

2. Học tập trung nhiều đợt, mỗi đợt hoàn thành một phần nội dung quy định trong chương trình.

3. Tự học theo hình thức có hướng dẫn quy định tại Quyết định số 155/2003/QĐ-UB ngày 18/08/2003 của UBND tỉnh Lâm Đồng.

4. Kết thúc các khóa học, học viên được tổ chức dự thi để được cấp chứng chỉ.

## **Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 17. Điều kiện thực hiện chương trình.**

1. Huy động đội ngũ cán bộ, giáo viên, trí thức là người dân tộc Mạ hoặc những người có trình độ văn hóa, am hiểu tiếng Mạ làm giáo viên giảng dạy.

2. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nội dung tài liệu, phương pháp giảng dạy cho đội ngũ giáo viên.

3. Mở các lớp học tại các cơ sở đào tạo như: Trung tâm đào tạo bồi dưỡng tại chức Lâm Đồng, Trung tâm bồi dưỡng chính trị tại các huyện, các đơn vị trường học, tại cơ sở, thị trấn.

4. Cung cấp đủ tài liệu học tập cho học viên.

5. Chế độ giảng dạy và học tiếng dân tộc thiểu số thực hiện theo quy định của UBND tỉnh Lâm Đồng về chế độ học tập, trợ cấp cho cán bộ công chức tự học và chế độ bồi dưỡng cho giáo viên dạy tiếng dân tộc.

6. Có trang thiết bị dạy học như: Phương tiện nghe nhìn, băng Cassette, máy ghi âm, băng đĩa học tiếng.

**Điều 18.** Trách nhiệm của Sở Nội vụ.

Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị có liên quan của tỉnh Lâm Đồng triển khai thực hiện chương trình dạy tiếng Mạ có chữ viết cho cán bộ, công chức công tác vùng dân tộc Mạ./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**  
*(Đã ký)*

**Huỳnh Đức Hòa**